

Sông Hình, ngày tháng 05 năm 2025

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 59/GPXD

1. Cấp cho chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương Mại An Gia Long.

Địa chỉ liên hệ: Lô BT05-7A, Khu FBS, Kp mới Hùng Vương, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án: Trang trại chăn nuôi heo Ea Trol.

- Theo thiết kế: Hồ sơ thiết kế cấp phép xây dựng đính kèm.

- Do: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Thịnh Phát lập.

+ Chủ trì thiết kế kiến trúc: Lê Vinh Thắng, Chứng chỉ hành nghề số: HCM-00001823 ngày 11/7/2023 do Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp

+ Chủ trì thiết kế kết cấu: Lê Đức Nghĩa, Chứng chỉ hành nghề số: HCM-00062066 ngày 21/7/2023 do Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Chủ trì thiết kế điện: Phan Công Thành, Chứng chỉ hành nghề số: PHY-00047879 ngày 12/4/2023 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp

+ Chủ trì thiết kế nước: Bùi Quốc Nhật, Chứng chỉ hành số: CTN-00160998 ngày 17/11/2022 do Hội cấp thoát nước Việt Nam cấp.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A.K.T

+ Chủ trì thẩm tra kiến trúc: Nguyễn Huy Hùng, Chứng chỉ hành nghề số: PYH-00000020 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 03/01/2024

+ Chủ trì thẩm tra kết cấu: Mai Hoàng Trung Nguyên, Chứng chỉ hành nghề số: PHY-00096491 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 17/3/2023.

+ Chủ trì thẩm tra điện: Nguyễn Ngọc Kim, Chứng chỉ hành nghề số: PHY-00088616 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 20/07/2020

+ Chủ trì thẩm tra nước: Phạm Ngọc Thoại, Chứng chỉ hành nghề số: PHY-00044220 do Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên cấp ngày 14/03/2022.

- Gồm các nội dung sau đây:

+ Vị trí xây dựng: Thửa đất số 282, tờ bản đồ số 40. Diện tích thửa đất: 211.379,8 m². (Trong đó chăn nuôi tập trung: 211.379,8 m²). Tại Buôn Bầu, xã Ea Trol, huyện Sông Hình

+ Tổng số hạng mục công trình: 57 hạng mục (có bảng phụ lục kèm theo).

+ Diện tích xây dựng tầng 1: 57.615,88 m².

+ Tổng diện tích sàn (bao gồm cả tầng hầm và tầng lửng): 57.615,88 m²

+ Chiều cao các hạng mục công trình: Chi tiết kèm theo phụ lục;

+ Số tầng (trong đó ghi rõ số tầng hầm và tầng lửng): 01 tầng.

+ Mật độ xây dựng: 27,26%; Hệ số sử dụng đất: 0,28.

+ Chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt.

+ Màu sắc công trình: Không được phép sử dụng vật liệu thô sơ, quét sơn màu đen, màu tối sẫm và trang trí các chi tiết kiến trúc phản mỹ thuật, không được sử dụng vật liệu gây chói, lóa mắt có độ phản quang lớn hơn 70%.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA00774917 được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 15/05/2025.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên phải xin gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như điểm 1;
- Phòng KT, HT&ĐT;
- Đăng tải cổng thông tin huyện;
- Đội thuế liên huyện tây Phú Yên;
- UBND xã Ea Trol;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thành

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép xây dựng số 59/GPXD ngày 26 /05 /2025 của UBND huyện Sông Hinh)

Dự án: Trang trại chăn nuôi heo Ea Trol

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích xây dựng (m ²)	Số lượng	Tổng diện tích xây dựng (m ²)	Tổng Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Cao trình (m)
1	Nhà hậu bị	I	1.286,00	24	30.864,00	30.864,00	1	4,6
2	Bể ngâm rửa đàn	21	6,00	12	72,00	72,00	1	4,05
3	Silo thường 7,2 tấn	33	9,00	24	216,00	216,00	-	
4	Kim thu sét	40	-	2	-	-	-	
5	Hồ sát trùng xe	1	28,00	1	28,00	28,00	1	
6	Nhà bảo vệ	2	49,00	1	49,00	49,00	1	4,5
7	Trạm cân 60 tấn	3	68,83	1	68,83	68,83	-	
8	Nhà công nhân số 1	4.1	245,00	1	245,00	245,00	1	4,7
9	Nhà công nhân số 2	4.2	245,00	1	245,00	245,00	1	4,7
10	Nhà công nhân số 3	4.3	196,00	1	196,00	196,00	1	4,7
11	Nhà ăn, bếp ăn	5	191,00	1	191,00	191,00	1	4,7
12	Tháp nước sinh hoạt	6	16,00	1	16,00	16,00	-	5,0
13	Nhà để xe	7	140,00	1	140,00	140,00	1	3,1
14	Nhà kỹ thuật	8	222,00	1	222,00	222,00	1	6,1
15	Trạm biến áp	9	16,00	1	16,00	16,00	-	
16	Nhà đặt máy phát điện	10	112,00	1	112,00	112,00	1	4,7
17	Nhà sát trùng xe	11	97,00	1	97,00	97,00	1	5,0
18	Nhà điều hành, phòng ăn ca và nghỉ trưa	12			401,8	401,8		
	Nhà điều hành, phòng ăn ca và nghỉ trưa	12.1	246,40	1	246,4	246,4	1	4,8
	Nhà điều hành, phòng ăn ca và nghỉ trưa	12.2	155,40	1	155,4	155,4	1	4,8
19	Nhà phơi đồ	13	32,00	1	32,00	32,00	1	4,7
20	Kho chứa chất thải nguy hại	14	21,00	1	21,00	21,00	1	4,4
21	Kho dụng cụ, vật tư	15	72,00	1	72,00	72,00	1	4,7
22	Kho vôi	16	90,00	1	90,00	90,00	1	4,7
23	Kho cám	17	180,00	1	180,00	180,00	1	4,7
24	Tháp nước	18	6,25	3	18,75	18,75	-	
25	Bể chứa nước	19	60,00	3	180,00	180,00	-	

26	Bể xử lý nước lốt bạt	20	150,00	2	300,00	300,00	-	
27	Nhà nhập heo giống	22	70,00	1	70,00	70,00	1	5,0
28	Nhà xuất heo thịt	23	70,00	2	140,00	140,00	1	5,1
29	Silo tổng 18 tấn và silo tổng 7,2 tấn	34	57,00	2	114,00	114,00	-	
30	Nhà khách làm việc trước cổng trại	42	36,00	1	36,00	36,00	1	4,4
31	Giếng khoan	44	-	6	-	-	-	
32	Nhà sát trùng xe cổng phụ	45	56,00	1	56,00	56,00	1	
33	Nhà ở cách ly người vào trại	46	98,00	1	98,00	98,00	1	4,7
34	Khu sát trùng trước trại (nhà bảo vệ cổng phụ)	47	50,00	1	50,00	50,00	1	4,3
35	Hồ huỷ xác	24	36,00	2	72,00	72,00	-	
36	Kho chứa chất thải thông thường	25	21,00	1	21,00	21,00	1	4,2
37	Kho phân	26	105,00	1	105,00	105,00	1	4,2
38	Sân phơi bùn	27	450,00	1	450,00	450,00	-	
39	Nhà đặt máy ép phân	28	105,00	1	105,00	105,00	1	4,2
40	Hầm Biogas	29	1.800,00	2	3.600,00	3.600,00	-	
41	Hồ điều hoà	30.1	1.800,00	1	1.800,00	1.800,00	-	
42	Hồ lắng sơ bộ	30.2	1.800,00	1	1.800,00	1.800,00	-	
43	Hồ sinh học	30.3	1.500,00	1	1.500,00	1.500,00	-	
44	Hồ lục bình	31	1.800,00	1	1.800,00	1.800,00	-	
45	Nhà ủ phân hữu cơ (phân vi sinh)	35	140,00	1	140,00	140,00	1	4,2
46	Hố hút phân	36	50,00	1	50,00	50,00	-	
47	Nhà điều hành bể sục khí	37	70,00	1	70,00	70,00	1	3,1
48	Hệ thống xử lý nước thải	38	299,50	1	299,50	299,50	-	
49	Hồ chứa nước thải sau khử trùng (Hồ chứa nước hệ thống xử lý nước thải)	39.1	150,00	1	150,00	150,00	-	
50	Hồ chứa nước hệ thống xử lý nước thải	39.2		0			-	
51	Hồ chứa nước thải sau xử lý (Hồ nuôi	41	1.800,00	1	1.800,00	1.800,00	-	

	cá)							
52	Bể tái sử dụng nước thải	48	20,00	2	40,00	40,00	-	
53	Nhà công nhân vận hành hệ thống XLNT	49	18,00	1	18,00	18,00	1	4,4
54	Nhà đặt lò đốt xác công nghiệp	50	48,00	1	48,00	48,00	1	4,4
55	Hồ chứa nước mưa 1	32.1	6.000,00	1	6.000,00	6.000,00	-	
56	Hồ chứa nước mưa 2	32.2	2.000,00	1	2.000,00	2.000,00	-	
57	Hồ chứa nước mưa 3	32.3	1.110,00	1	1.110,00	1.110,00	-	
Tổng cộng diện tích xây dựng hạng mục công trình					57.615,88	57.615,88		

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....

Sông Hình, ngày ... tháng ... năm 20....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN